

Số: /GPMT-UBND Thuận Bắc, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 38/2024/CV-XTTB ngày 16/9/2024 của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc giai đoạn 2” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1267/TTr-TNMT ngày 28 tháng 10 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc, địa chỉ tại thôn Mỹ Nhơn, xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc giai đoạn 2” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc giai đoạn 2”.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Mỹ Nhơn, xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4500621757, đăng ký lần đầu ngày 15/03/2018, đăng kí thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

1.4. Mã số thuế: 4500621757.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng: 85,83087 ha.

- Công suất:

+ Nhà máy điện mặt trời công suất 75 MWp.

+ Tổng vốn đầu tư: 2.301.429.000.000 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xử lý chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm (từ ngày 31 tháng 10 năm

2024 đến ngày 31 tháng 10 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc giai đoạn 2” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong, Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và PCT UBND huyện;
- Chủ dự án (3b);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm VH-TT;
- UBND xã Bắc Phong;
- Cổng Thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Trọng Hùng

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý được thu gom, lưu chứa tại hố thu. Lượng nước tại hố thu sẽ được tận dụng để phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên Nhà máy, không xả thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được lưu chứa lại hố thu, tọa độ X=1292401,1; Y= 582045,2 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°). Lượng nước này sẽ được tận dụng phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên Nhà máy

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,56 m³/ngày đêm, tương đương 0,195 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải: đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	10/01/2022 của Chính phủ	10/01/2022 của Chính phủ
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Coliform	MPN/ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân, nhân viên được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được thu gom vào bể chứa trong khuôn viên Nhà máy để tận dụng sử dụng cho các hoạt động trong khuôn viên của Nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt tại nhà máy → bể tự hoại 3 ngăn (gồm: ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc) → bể chứa nước thải sau xử lý → tận dụng sử dụng cho các hoạt động trong khuôn viên của Nhà máy.

- Số lượng bể: 01 bể.

- Dung tích của bể tự hoại: tại nhà làm việc là 5.775 m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét định kỳ bùn cặn trong công trình xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: vị trí xả thải tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại 03 ngăn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 31 tháng 10
năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh không thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	11
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	57,5
3	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	19 02 08	Rắn	5.560
4	Dầu máy động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	Lỏng	13,4
5	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	-
6	Pin thải	16 01 12	Rắn	-
7	Ắc quy chì thải	16 01 12	Rắn	-
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	30,5
	Tổng khối lượng			5.672,4

Thực hiện phân định, phân loại, quản lý các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất thải sinh hoạt vô cơ, phát sinh từ công nhân, viên làm việc và bảo vệ tại nhà máy.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom, tập trung vào kho chứa chất thải nguy hại, có diện tích 50m² kết cấu nền xi măng, tường gạch xây, mái tôn. Bên trong có bố trí các khu vực lưu chứa các loại chất thải và có dán nhãn cảnh báo.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy được thu gom tập trung vào 03 thùng rác loại 240 lít bằng nhựa, có nắp đậy và 08 thùng rác loại 80 lít. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho Công ty TNHH XD – TM&SX Nam Thành thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.